

Số: 46/2026/QĐST-HNGĐ

Quảng Ninh, ngày 03 tháng 02 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1 – QUẢNG NINH

Căn cứ vào các Điều 149, 212, 213 và khoản 4 Điều 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 57, 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Luật phí và lệ phí năm 2015;

Căn cứ khoản 3 Điều 37 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 26/2026/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 01 năm 2026, về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

- Anh **Trần Bá N**, sinh năm: 1988; nơi cư trú: tổ B, khu phố H, 1, phường H, tỉnh Quảng Ninh.

- Chị **Nguyễn Thị T**, sinh năm: 1989; nơi cư trú: tổ B, khu phố H, phường H, tỉnh Quảng Ninh;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: anh Trần Bá N và chị Nguyễn Thị T chung sống với nhau và tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường H, thành phố H, tỉnh Quảng Ninh (nay là phường H, tỉnh Quảng Ninh) vào ngày 25/4/2012. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc đến khoảng tháng 10 năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng không còn tìm được tiếng nói chung trong cuộc sống, cả hai thường xuyên mâu thuẫn, cãi vã kể cả những chuyện nhỏ nhặt, bất đồng trong vấn đề kinh tế gia đình và nuôi dạy các con chung. Không thể tiếp tục chung sống, anh N và chị T đã sống ly thân từ cuối năm 2017 cho đến nay, trong thời gian ly thân cả hai đã không còn quan tâm, chăm sóc nhau nữa. Anh nam, chị T đã nhiều lần tự giải quyết mâu thuẫn nhưng không thành. Hai bên gia đình đã nhiều lần hòa giải, phân tích giúp vợ chồng hàn gắn nhưng cũng không thành công. Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không hạnh phúc, không thể tiếp tục duy trì cuộc

sống hôn nhân được nữa, nên anh Trần Bá N và chị Nguyễn Thị T thống nhất thuận tình ly hôn.

[2] Về con chung: anh Trần Bá N và chị Nguyễn Thị T có 02 (hai) con chung là Trần Bá Mạnh T1, sinh ngày 18/01/2012 và Trần Xuân A, sinh ngày 08/3/2016. Anh N và chị T thống nhất: anh Trần Bá N là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục các con chung Trần Bá Mạnh T1 và Trần Xuân A đến khi các con chung thành niên (đủ 18 tuổi). Chị T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung theo quy định pháp luật mà không ai được cản trở.

Về việc cấp dưỡng nuôi con chung: anh N và chị T thống nhất tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[3] Về tài sản chung: anh Trần Bá N và chị Nguyễn Thị T thống nhất không có tài sản chung.

[4] Về khoản nợ chung: anh Trần Bá N và chị Nguyễn Thị T thống nhất không có nợ chung.

[4] Về lệ phí Tòa án: anh Trần Bá N và chị Nguyễn Thị T thỏa thuận thống nhất: anh Trần Bá N tự nguyện chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) lệ phí giải quyết việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó,

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: anh Trần Bá N và chị Nguyễn Thị T thuận tình ly hôn.

- Về con chung: anh Trần Bá N và chị Nguyễn Thị T có 02 (hai) con chung là Trần Bá Mạnh T1, sinh ngày 18/01/2012 và Trần Xuân A, sinh ngày 08/3/2016. Khi ly hôn, anh Trần Bá N là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục các con chung Trần Bá Mạnh T1 và Trần Xuân A đến khi các con chung thành niên (đủ 18 tuổi). Chị T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung theo quy định pháp luật mà không ai được cản trở.

- Về cấp dưỡng nuôi con: anh Trần Bá N và chị Nguyễn Thị T tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: anh Trần Bá N và chị Nguyễn Thị T thống nhất không có tài sản chung.

- Về nợ chung: anh Trần Bá N và chị Nguyễn Thị T thống nhất không có nợ chung.

- Về lệ phí Tòa án: anh Trần Bá N tự nguyện chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) lệ phí giải quyết việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con, nhưng được trừ vào số tiền 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) theo

Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000210 ngày 14/01/2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Ninh. Anh Trần Bá N đã nộp đủ tiền lệ phí giải quyết việc dân sự.

2. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND Khu vực 1 – Quảng Ninh;
- Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Ninh;
- TAND tỉnh Quảng Ninh;
- UBND phường Hà Lâm, tỉnh Quảng Ninh;
- Lưu VP, HSVA.

THẨM PHÁN

Vũ Công Mười